

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/02/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Bà Mai Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Nhân M, sinh năm: 1986, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện Th, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1989, vắng mặt

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: SN 17, ngõ 3, đường chợ Vạn, tiểu khu 4, thị trấn T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay đang lao động tại nước ngoài.

Người giám hộ: Bà Cao Thị V, sinh năm: 1951, vắng mặt

Địa chỉ: SN 17, ngõ 3, đường chợ Vạn, tiểu khu 4, thị trấn T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Nhân M trình bày:

Anh Vũ Nhân M và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và được UBND xã M, huyện Th, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/02/2009, quyền số 01/2009. Sau khi kết

hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Cuối năm 2018, chị Phạm Thị L đi làm ăn tại Hồng Kông, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm nhau. Nay anh M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị L.

Anh M và chị L có 01 con chung là cháu Vũ Thị Phương Ch, sinh ngày 14/5/2009. Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2022, anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Bản tự khai ngày 06/01/2023, anh M có nguyện vọng giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và tạm giao cháu Vũ Thị Phương Ch, sinh ngày 14/5/2009 cho bà Cao Thị V (mẹ đẻ chị L) là người giám hộ chăm sóc cháu Phương Ch, vì từ bé đến nay cháu Phương Ch ở với mẹ và ông bà ngoại; khi nào chị L về Việt Nam thì bà V phải giao cháu Phương Ch cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì anh M và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/01/2023, bà Cao Thị V (mẹ đẻ của chị L) trình bày: Từ thời điểm chị L mang thai cháu Phương Ch thì chị L đã về sinh sống cùng Bà tại tiểu khu 4, thị trấn T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã sang Hồng Kông làm ăn từ tháng 7/2019 đến nay; Bà V đã thông tin cho chị Lương biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn của anh M, nhưng chị L không cung cấp địa chỉ cụ thể để Bà cung cấp cho Tòa án. Bà không có ý kiến gì về việc anh M xin ly hôn; Bà đề nghị Tòa án giao cháu Phương Ch cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, và tạm giao cháu Phương Ch cho Bà chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị L chưa về nước.

- Tại Biên bản lấy ghi khai ngày 06/01/2023, cháu Vũ Thị Phương Ch trình bày: Cháu Phương Ch là con của anh Vũ Nhân M và chị Phạm Thị L, hiện nay cháu đang học lớp 8 trường THCS thị trấn T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; từ nhỏ cháu ở với mẹ và ông bà ngoại; nay bố mẹ ly hôn, cháu không có ý kiến gì, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Nhân M.

Về án phí: Anh M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Anh Vũ Nhân Mạnh làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với Phạm Thị L có hộ khẩu thường trú tại Tiểu khu 4, thị trấn T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; nhưng hiện nay chị L đã xuất cảnh, chưa nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an có văn bản số 25344/QLXNC-P5 ngày 25/11/2022 trả lời Công văn số 89/CV-TA ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: Phạm Thị L, sinh ngày 14/3/1989, đã xuất cảnh 02 lần, lần gần nhất là ngày 12/9/2014.

Tòa án đã tiến hành xác minh, yêu cầu bà Cao Thị V, mẹ của chị Phạm Thị L cung cấp địa chỉ và thông báo cho chị L về việc anh M có đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, bà V không biết địa chỉ cụ thể của L để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và trường hợp này thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Vũ Nhân M và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và được UBND xã M, huyện Th, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/02/2009, quyển số 01/2009. Vì vậy, hôn nhân giữa anh M và chị L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Năm 2019, chị Phạm Thị L đi làm ăn tại nước ngoài, hiện không có mặt tại địa phương, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Vũ Nhân M có đơn xin ly hôn chị Phạm Thị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Anh M và chị L có 01 con chung là cháu Vũ Thị Phương Ch, sinh ngày 14/5/2002. Từ khi sinh ra đến nay, cháu Phương Ch sống cùng mẹ và ông bà ngoại. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt cho cháu Phương Ch, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M: Giao cháu Phương Ch cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; trong thời gian chị L chưa về Việt Nam, giao cháu Phương Ch cho bà Cao Thị V (bà ngoại của cháu Phương Ch) chăm sóc nuôi dưỡng, khi nào chị L về Việt Nam, bà V có trách nhiệm giao cháu Phương Ch cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử: - Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Nhân M được ly hôn chị Phạm Thị L.

- Về con chung: Anh Vũ Nhân M và chị Phạm Thị L có 01 con chung là Vũ Thị Phương Ch, sinh ngày 14/5/2002; Giao cháu Phương Ch cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tạm giao cho bà Cao Thị V là người giám hộ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phương Ch trong thời gian chị L chưa về Việt Nam. Khi nào chị L về Việt Nam, bà V có trách nhiệm giao cháu Phương Ch cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Vũ Nhân M phải chịu 300.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000^d anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0000279 ngày 13/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HSVA.

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu